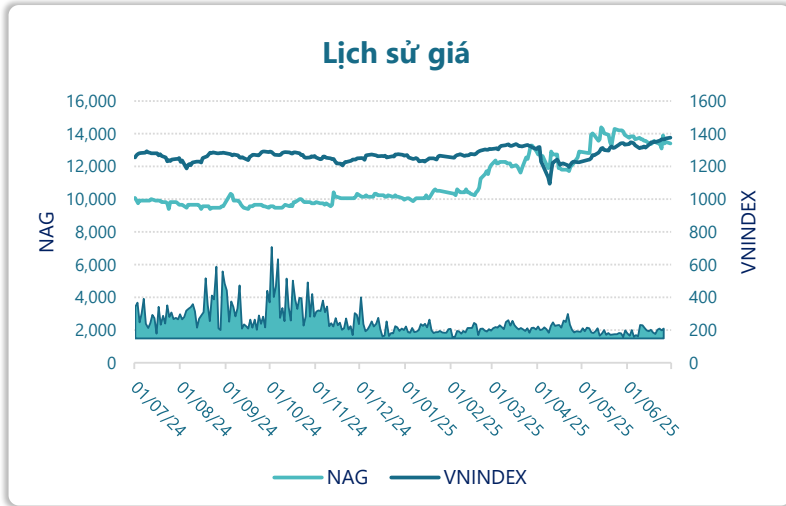




## CTCP Tập đoàn Nagakawa (HNX: NAG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	<b>13,400</b>
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,392
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,399
SL cổ phiếu LH	38,620,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)	736,060
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	518
P/E	14.6
EPS	920

**DT thuần**  
Q2/25

**900**

tỷ VNĐ

QoQ: ▼63.0 | -6.5%

YoY: ▼168 | -15.7%

**LN sau thuế**  
Q2/25

**12.7**

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00 | -7.0%

YoY: ▲ 1.40 | 12.7%

**Tỷ suất lãi EBIT**  
Q2/25

**4.0%**

+/- YoY: ▲ 1.2%

**DT thuần**  
6T 2025

**1,863**

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 118 | 6.8%

**LN sau thuế**  
6T 2025

**26.4**

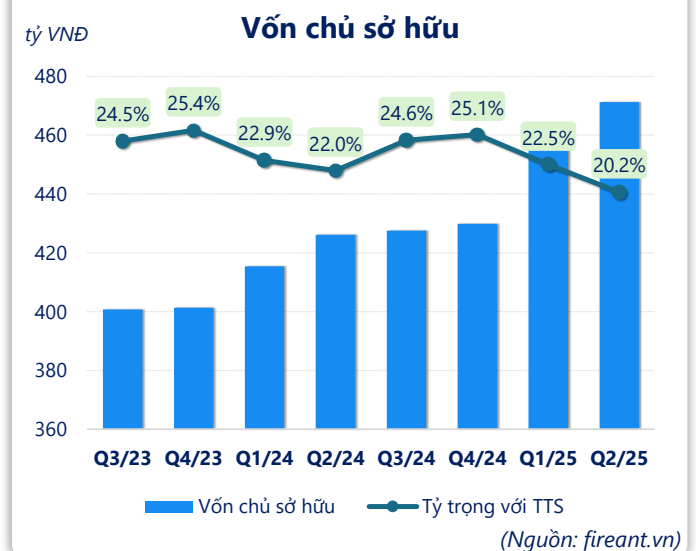
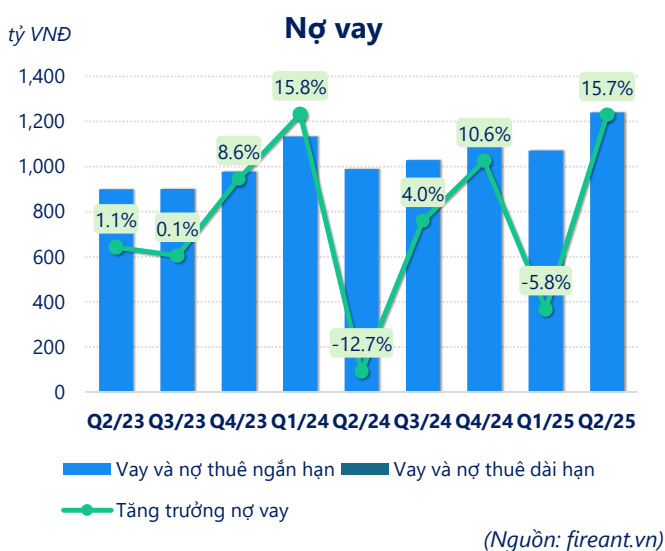
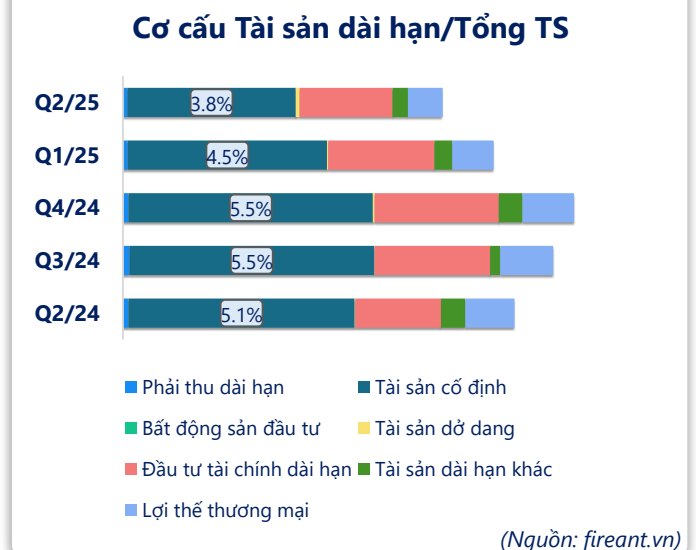
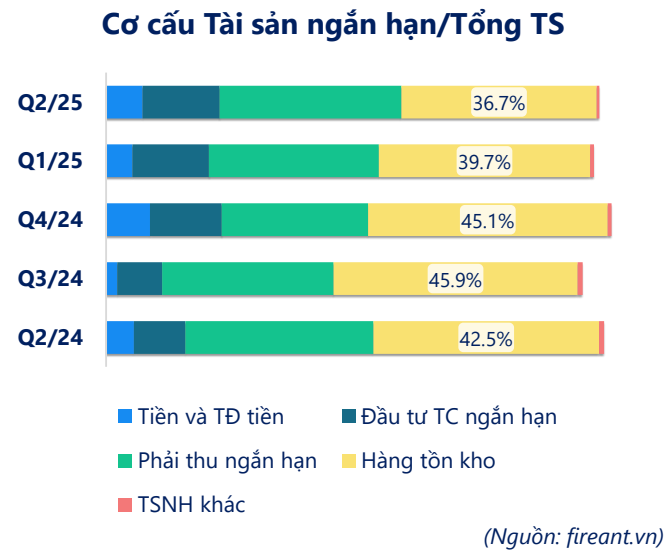
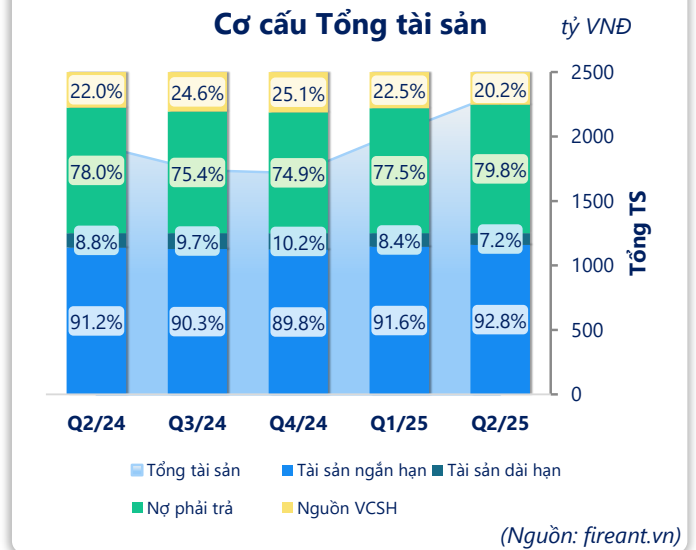
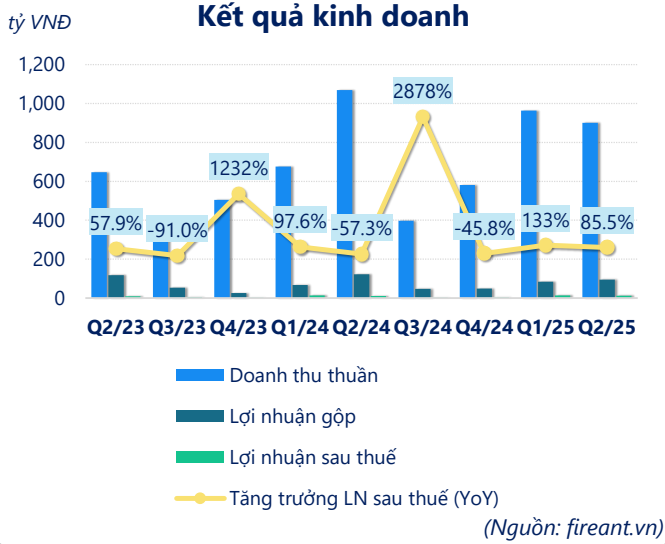
tỷ VNĐ

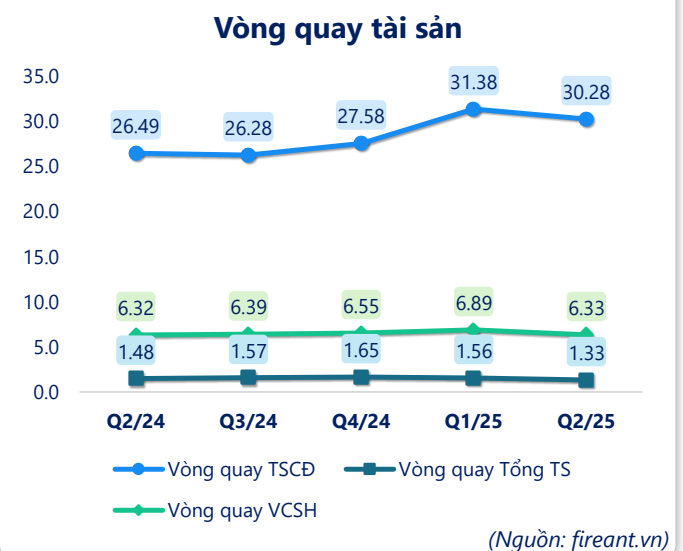
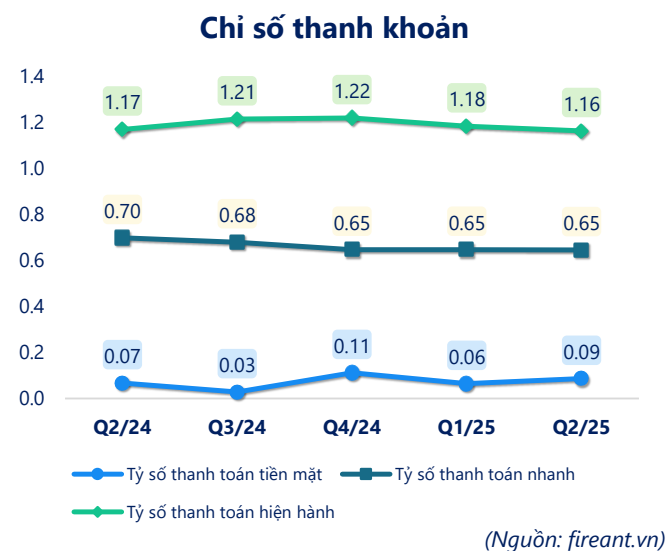
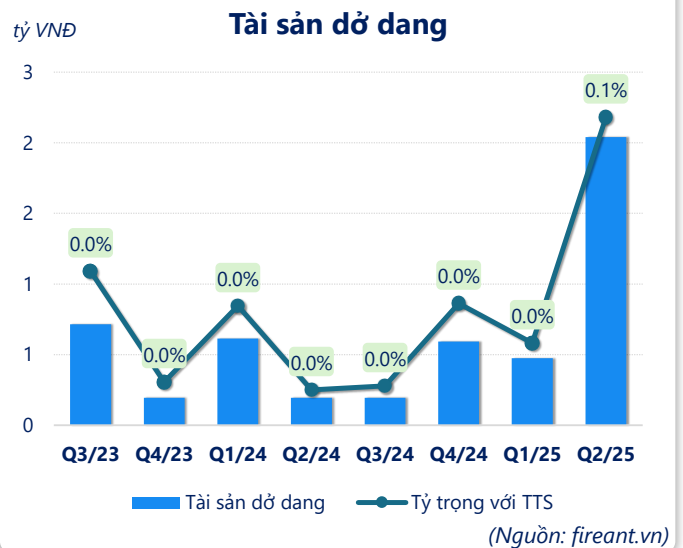
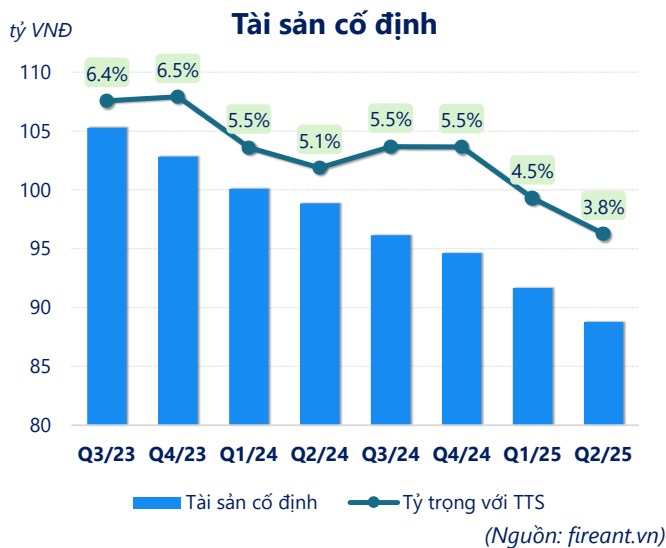
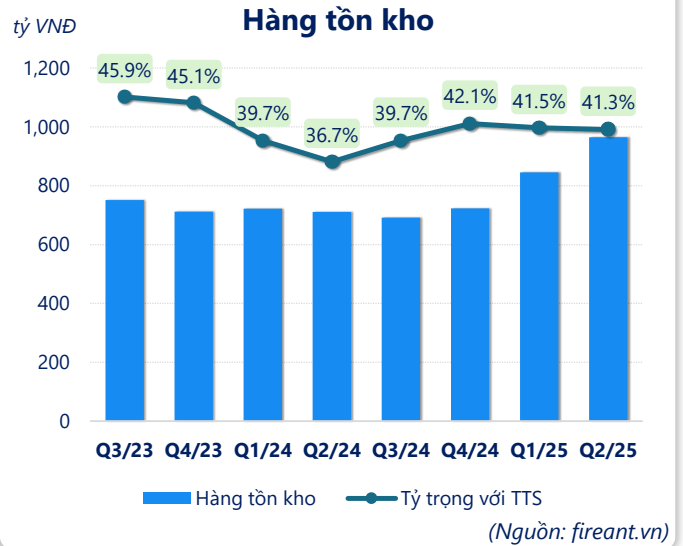
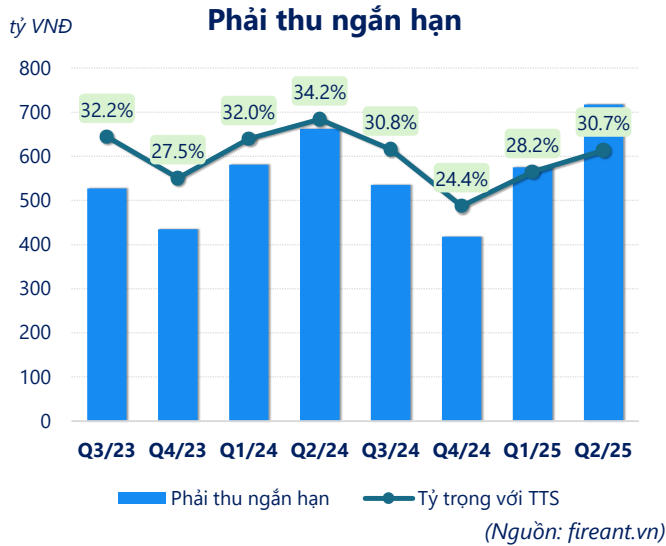
YoY: ▲ 2.30 | 9.6%

**ROE**  
Q2/25

**7.9%**

+/- YoY: ▲ 1.2%





<b>CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b> (tỷ VNĐ)	<b>Q2/24</b>	<b>Q3/24</b>	<b>Q4/24</b>	<b>Q1/25</b>	<b>Q2/25</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1,936</b>	<b>1,740</b>	<b>1,715</b>	<b>2,037</b>	<b>2,338</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1,765</b>	<b>1,571</b>	<b>1,541</b>	<b>1,866</b>	<b>2,169</b>
Tiền và tương đương tiền	101	36.5	141	101	161
Đầu tư tài chính ngắn hạn	280	264	257	330	310
Phải thu ngắn hạn	662	536	418	575	717
Hàng tồn kho	711	691	723	846	965
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	43.0	2.02	14.1	16.9
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>171</b>	<b>169</b>	<b>175</b>	<b>170</b>	<b>169</b>
Phải thu dài hạn	2.41	2.51	2.17	2.17	2.35
Tài sản cố định	98.8	96.1	94.6	91.7	88.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.19	0.19	0.59	0.47	2.04
Đầu tư tài chính dài hạn	37.5	45.2	48.1	48.8	49.0
Tài sản dài hạn khác	10.6	4.07	9.18	8.21	8.30
Lợi thế thương mại	21.5	20.7	19.9	19.1	18.3
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1,510</b>	<b>1,312</b>	<b>1,286</b>	<b>1,578</b>	<b>1,867</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1,509</b>	<b>1,294</b>	<b>1,263</b>	<b>1,577</b>	<b>1,865</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	989	1,028	1,137	1,071	1,240
Phải trả người bán ngắn hạn	439	159	77.7	383	551
Nợ dài hạn	1.30	18.5	22.1	1.49	2.03
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>426</b>	<b>428</b>	<b>430</b>	<b>458</b>	<b>471</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>426</b>	<b>428</b>	<b>430</b>	<b>458</b>	<b>471</b>
Vốn điều lệ	316	316	342	358	386
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

*(Nguồn: fireant.vn)*